

Chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Phan Huy Đường*, Phan Anh**

Ngày nhận: 7/02/2016

Ngày nhận bản sửa: 10/4/2016

Ngày duyệt đăng: 25/4/2016

Tóm tắt:

Trên cơ sở thực trạng chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, bài viết đã tiến hành phân tích và đánh giá để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế cho Việt Nam trong thời gian tới gồm: Tiếp tục hoàn thiện các chính sách thương mại theo hướng phát triển bền vững; Hoàn thiện chính sách thương mại nhằm đảm bảo chất lượng tăng trưởng kinh tế; và gắn kết chính sách thương mại với việc giải quyết các vấn đề xã hội.

Từ khóa: Thương mại; Chính sách phát triển thương mại bền vững; hội nhập kinh tế quốc tế.

Policies for sustainable trade development in the context of international economic integration in Vietnam

Abstract

This article analyses and evaluates current policies for the promotion of sustainable trade in the context of increasing global economic integration of Vietnam, then recommends some solutions to improve these policies in the years to come. The recommendations include amendments to current policies and promulgation of new trade policies that continue to focus on sustainable development, on enhancing the quality of economic growth, and on contributing to the resolution of social issues.

Keywords: trade policies, sustainable trade development, global economic integration.

1. Đặt vấn đề

Chính sách thương mại của Việt Nam trong những năm qua đã được hoàn thiện một bước rất cơ bản theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và ngày càng phù hợp với các quy định của quốc tế. Tuy nhiên, thương mại của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua phát triển chưa thật bền vững, điều này thể hiện qua việc tăng trưởng thương mại của Việt Nam những năm vừa qua cao nhưng chủ yếu dựa vào các yếu tố tăng trưởng theo chiều rộng, chất lượng tăng trưởng còn thấp.

Cùng với việc mở rộng xuất, nhập khẩu theo chiều rộng dựa trên khai thác tài nguyên và giá nhân công rẻ hệ lụy làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường và phát sinh một số vấn đề xã hội bức xúc. Nhập khẩu tăng cao, nhập siêu gia

tăng đã tác động không tốt đến cán cân thương mại và cán cân thanh toán. Hệ thống phân phối của các doanh nghiệp Việt Nam phát triển chậm và đang đứng trước nguy cơ bị thu hẹp thị phần tại thị trường nội địa. Thương mại Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức ngày càng lớn do thị trường thế giới biến đổi và chứa đựng các yếu tố khó lường.

Ngoài ra, trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế, thì việc hạn chế các thách thức phụ thuộc vào chính sách phát triển thương mại của các nước là điều hết sức cần thiết. Từ những nguyên nhân trên, việc nghiên cứu chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là hết sức cần thiết.

2. Cơ sở lý luận về chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Chính sách thương mại là hệ quan điểm, nguyên tắc, công cụ và biện pháp của nhà nước để điều chỉnh hoạt động thương mại nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra trong mỗi thời kỳ nhất định. Như vậy, vào những giai đoạn phát triển khác nhau có thể sử dụng thuật ngữ chính sách thương mại nói chung, hoặc có thể phân chia ra thành 2 loại là chính sách thương mại quốc tế và chính sách thương mại trong nước. Cũng có quan niệm phân loại chính sách thương mại làm ba nhóm: chính sách phát triển xuất nhập khẩu, chính sách hội nhập và chính sách phát triển thương mại trong nước. Một cách khái quát, chính sách thương mại được xem xét là hệ quan điểm cho quản lý nhà nước đối với thương mại cho mỗi thời kỳ.

Quan điểm có tính chất bao trùm hiện nay là nhà nước thống nhất quản lý thương mại bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chính sách và công cụ quản lý khác. Đồng thời, trở lại nội hàm của khái niệm thương mại, theo nghĩa rộng và phù hợp với thông lệ quốc tế khi đề cập đến thương mại tức là đã bao gồm cả thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, những vấn đề đầu tư có liên quan đến thương mại và thương mại đối với quyền sở hữu trí tuệ. Bên cạnh đó, phát triển bền vững cũng được các nhà khoa học sử dụng theo Chương trình nghị sự 21 về phát triển bền vững, theo đó phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các yêu cầu của hiện tại nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu tương lai. Phát triển bền vững bao gồm 3 trụ cột chính là: phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và đảm bảo an sinh xã hội. Tóm lại, chính sách phát triển thương mại bền vững là chính sách thương mại nhằm đáp ứng các yêu cầu của hiện tại nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu tương lai (Đình Văn Thành, 2012).

Về lý thuyết, có nhiều cách tiếp cận và phân loại chính sách thương mại khác nhau. Có thể kể đến như: Chính sách thuế, tài chính tín dụng, tỷ giá hối đoái, biện pháp quản lý giá, biện pháp chống trợ cấp và chống bán phá giá; Hạn ngạch (bắt buộc, tự nguyện), hạn ngạch thuế quan, cấp hạn ngạch tự động và không tự động; Quyền kinh doanh, giấy phép kinh doanh, giấy phép xuất nhập khẩu; Các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa và doanh nghiệp (nhằm bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ

sinh an toàn cho con người...), thủ tục hải quan; Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực (Lê Danh Vĩnh, 2013).

Trong thực tiễn khi hoạch định chính sách người ta thường phân loại các chính sách thương mại thành một số chính sách sau: Chính sách mặt hàng: Mặt hàng cấm kinh doanh; kinh doanh có điều kiện; tự do kinh doanh; Chính sách đối với các loại thị trường: Thị trường trong nước và thị trường nước ngoài; thị trường có các ưu đãi và không có ưu đãi; thị trường nông thôn và thị trường đô thị; Chính sách đối với các chủ thể kinh doanh trên thị trường: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp trong nước; doanh nghiệp vừa và nhỏ; Các chính sách khác: Tài chính, tín dụng, đầu tư, xúc tiến thương mại.

Bên cạnh đó, gắn với mục tiêu, tính đặc thù và sự phân công trong quản lý nhà nước về thương mại, người ta còn phân chia chính sách thương mại làm 3 nhóm chính sách như: Chính sách phát triển thương mại nội địa; Chính sách phát triển xuất nhập khẩu và Chính sách hội nhập kinh tế quốc tế.

Cho dù phân chia ra sao nhưng để đáp ứng chính sách phát triển thương mại bền vững đều phải có sự phối hợp giữa các loại chính sách. Ví dụ: Phát triển Chính sách xuất nhập khẩu bền vững thì khi đó chính sách phát triển xuất nhập khẩu được đặt vào nhiệm vụ trung tâm, các chính sách khác cũng có vai trò quan trọng để chính sách phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ tốt nhất cho phát triển bền vững ở Việt Nam. Do đó, một trong những yêu cầu của hoàn thiện chính sách xuất nhập khẩu phục vụ phát triển bền vững đó là phải góp phần đưa nền kinh tế Việt Nam hội nhập một cách có hiệu quả, có tính cạnh tranh cao trong nền kinh tế của khu vực và thế giới.

Chính sách xuất nhập khẩu phải tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, phải rõ ràng, minh bạch, ổn định và có thể tiên lượng được. Chính sách xuất nhập khẩu phải hướng vào các mục tiêu: Tốc độ tăng trưởng cao và duy trì trong một thời gian đủ dài, thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa được mở rộng, chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu được không ngừng nâng cao; Hoạt động xuất nhập khẩu đóng góp vào nâng cao chất lượng tăng trưởng; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cải thiện cán cân thanh toán và giảm dần thâm hụt cán cân thương mại, chủ động chuyển sang giai

đoạn xuất siêu; bảo đảm nhập khẩu được công nghệ hiện đại để góp phần nâng cao năng suất lao động; nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa và doanh nghiệp Việt Nam; Tạo việc làm và nâng cao thu nhập, cải thiện các điều kiện lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường (Lê Danh Vĩnh, 2013).

Ngoài ra, đặt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đồng nghĩa với việc thực hiện các cam kết, các quốc gia thành viên phải cắt giảm thuế quan, hạn ngạch, cải cách thể chế kinh tế, gạt bỏ mọi rào cản trong thương mại để mở cửa thị trường. Yêu cầu của chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế là phải đáp ứng nhu cầu của thể hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai, trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế là sự tăng trưởng thương mại theo hướng nâng cao chất lượng thông qua sự duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao nhưng ổn định trong một thời gian dài, đồng thời sự tăng trưởng đó phải đi đôi với việc bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Nói đến phát triển thương mại bền vững là phải nói đến tác động của tăng trưởng thương mại đến 3 “trụ cột” kinh tế, xã hội và môi trường phải bền vững.

3. Thực trạng chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

3.1. Chủ trương chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Thủ tướng Chính phủ (2012) đã phê duyệt “Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020”. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là tăng trưởng kinh tế bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Mục tiêu cụ thể của Chiến lược này là bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các cân đối lớn; giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh tài chính. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu; từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế các bon thấp. Chiến lược cũng đề ra các chỉ tiêu tổng hợp nhằm giám sát và đánh giá phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020

là: Chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số bền vững môi trường (ESI), hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR).

Để gắn kết mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững, Thủ tướng Chính phủ (2013) đã phê duyệt “Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020”. Mục tiêu tổng quát của Đề án nhằm thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, theo lộ trình và bước đi phù hợp để đến năm 2020 cơ bản hình thành mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu.

Từ chỗ định hướng thay thế nhập khẩu đã từng bước chuyển sang hướng mạnh về xuất khẩu và kết hợp với thay thế nhập khẩu. Thủ tướng Chính phủ (2000) đã khẳng định rõ: “Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thời kỳ 2001-2010, nhất là xuất khẩu, phải là Chiến lược tăng tốc toàn diện trên nhiều lĩnh vực, phải có những khâu đột phá với bước đi vững chắc. Mục tiêu hành động của thời kỳ này là tiếp tục chủ trương dành ưu tiên cao để xuất khẩu; góp phần giải quyết việc làm cho xã hội, tạo nguồn dự trữ ngoại tệ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nhanh chóng thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế giữa nước ta và các nước trong khu vực. Mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu bình quân của thời kỳ 2001-2010 là 15% trở lên, nhập khẩu duy trì ở mức 14%/năm.”

Để đạt được mục tiêu đã nêu, Chính phủ và các bộ/ngành có liên quan đã xây dựng các chính sách phát triển xuất nhập khẩu cho thời kỳ 5 năm (thay cho cơ chế điều hành xuất nhập khẩu hàng năm). Đồng thời, Chính phủ cũng yêu cầu các bộ/ngành và các địa phương phải xây dựng các Chương trình mục tiêu để phát triển xuất khẩu, mở rộng nội hàm của các chính sách hỗ trợ phát triển xuất nhập khẩu tới các chính sách đầu tư, xây dựng và phát triển thương hiệu.

Chính sách xuất nhập khẩu hàng hóa đã tiếp cận dần và đã từng bước dựa theo các tiêu chuẩn và nguyên tắc quốc tế, nhất là các quy định của WTO. Có lộ trình cắt giảm thuế quan và dỡ bỏ hàng rào phi thuế quan theo cam kết gia nhập WTO và các tổ chức quốc tế khác;

Các công cụ của chính sách thương mại được hoàn thiện một cách cơ bản dựa theo chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa 2001-2010;

Có các công cụ phòng vệ và tự vệ đặc biệt để đối phó với các diễn biến bất thường của thị trường thế giới.

Việc tái cơ cấu một số lĩnh vực kinh tế chủ yếu để bảo đảm duy trì môi trường kinh tế vĩ mô đã được nhấn mạnh trong đề án và một trong những lĩnh vực đó là công nghiệp và thương mại. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ (2014) đã phê duyệt “*Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”. Trong đó, có nhiều nội dung liên quan đến phát triển thương mại theo hướng bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngoài ra, nhằm đáp ứng các yêu cầu hội nhập, Bộ Công thương (2014) đã ban hành “*Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”. Bản kế hoạch hành động đã chi tiết hóa các nội dung của đề án cần phải thực hiện của ngành công thương trong thời gian tới. Theo đó, mục tiêu tái cơ cấu ngành Công Thương là nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của ngành; nghiên cứu đổi mới mô hình, tổ chức hoạt động của ngành, xây dựng mô hình quản lý nhà nước về năng lượng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngoài các chủ trương, chính sách đã nói trên, trong thời gian qua ở nước ta còn nhiều chính sách khác đã được các bộ, ngành ban hành nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng về phát triển thương mại theo hướng bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2. Đánh giá chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

3.2.1. Những mặt tích cực

Việc gắn kết mục tiêu phát triển thương mại với phát triển bền vững trong các chính sách thương mại nước ta thời gian qua đã đạt được các thành công chủ yếu sau đây.

Một là: Hầu hết các chính sách thương mại của Việt Nam thời gian qua đã quán triệt và phản ánh rõ chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về

phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế. Đã phát huy tác dụng tích cực trong thực tiễn, góp phần quan trọng tạo nên thành tích tăng trưởng xuất khẩu, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo việc làm, cải thiện thu nhập, xóa đói giảm nghèo, thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

Hai là: Chính sách thương mại đã tiếp cận theo các tiêu chuẩn và nguyên tắc quốc tế, nhất là các quy định của WTO. Chính sách thương mại đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư nước ngoài, bổ sung nguồn lực về vốn, khoa học công nghệ và đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam, thúc đẩy cải thiện chất lượng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Ba là: Chính sách thương mại nước ta không ngừng được đổi mới hoàn thiện trong tiến trình thực hiện. Đến nay, Việt Nam đã có đầy đủ bộ công cụ, biện pháp chính sách xuất nhập khẩu gồm thuế quan, phi thuế quan, hành chính và hải quan, các tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh, kiểm dịch động thực vật, tiêu chuẩn môi trường, kể cả các công cụ phòng vệ và tự vệ đặc biệt để đối phó với các diễn biến bất thường của thị trường thế giới.

Bốn là: Nhiều chính sách thương mại đã góp phần khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Đồng thời, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về máy móc, thiết bị, công nghệ, phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Năm là: Các mục tiêu môi trường đã ngày càng được chú trọng trong xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách thương mại. Việt Nam đã tham gia tích cực các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường như công ước CITES, Basel, công ước về đất ngập nước, biến đổi khí hậu,... Trong các văn bản pháp luật đã ban hành đều có những quy định về cấm, hạn chế xuất nhập khẩu các sản phẩm ảnh hưởng xấu đến môi trường, sức khỏe con người và động thực vật. Đã ban hành các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường đối với hàng hóa xuất nhập khẩu cũng như các quy định, thủ tục về kiểm tra, giám sát chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, công nhận về hợp chuẩn,...

Sáu là: Nhìn chung các chính sách thương mại đã đề cập đến việc đảm bảo chia sẻ hợp lý lợi ích thu

được từ hoạt động thương mại đối với các tầng lớp dân cư. Hỗ trợ đối với những đối tượng gặp khó khăn, rủi ro trong kinh doanh. Các chính sách về kiểm soát nhập khẩu cũng như chính sách quản lý thị trường trong nước đã góp phần đảm bảo các nhu cầu của sản xuất cũng như nhu cầu tiêu dùng của người dân. Dưới tác động của các chính sách, việc chống nhập lậu, gian lận thương mại đã có tác dụng thiết thực góp phần ổn định thị trường, bảo vệ người tiêu dùng. Hoạt động thương mại đã góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập, cải thiện các điều kiện lao động.

3.2.2. Một số hạn chế

Bên cạnh những thành công đã đạt được, chính sách thương mại nước ta thời gian quan còn có những hạn chế sau đây.

Thứ nhất: Tính định hướng của chính sách thương mại cho việc thực hiện các mục tiêu của phát triển bền vững chưa cao. Biện pháp chính sách nhằm thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu chưa rõ. Hiệu quả gắn kết các mục tiêu kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường còn thấp,...

Thứ hai: Các chính sách chưa đồng bộ, vẫn còn mâu thuẫn và chông chéo, thiếu minh bạch và không ổn định, các chế tài xử phạt vi phạm chưa đủ sức răn đe, hiệu lực thực thi và hiệu quả tác dụng của chính sách trong thực tiễn còn hạn chế. Thiếu sự gắn kết và điều phối thống nhất giữa các địa phương và bộ/ngành trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách.

Thứ ba: Nhìn chung các chính sách thương mại còn quá chú trọng tới các mục tiêu tăng trưởng kinh tế trước mắt, chưa quan tâm đầy đủ tới các mục tiêu dài hạn, mục tiêu bảo vệ môi trường và tiến bộ xã hội. Xuất nhập khẩu tăng nhanh nhưng đi liền với đó là tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt, suy giảm đa dạng sinh học và suy thoái, ô nhiễm môi trường. Khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa hầu như ít được hưởng lợi nhất từ kết quả xuất nhập khẩu, chênh lệch giàu nghèo, vùng miền có xu hướng gia tăng.

Thứ tư: Việc xây dựng các quy định kỹ thuật và tiêu chuẩn để bảo đảm vệ sinh an toàn cho con người và môi trường còn thiếu các biện pháp phòng ngừa. Chưa xây dựng được các biện pháp và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường phù hợp để bảo vệ thị trường nội địa. Tình trạng nhập khẩu công nghệ tiêu tốn năng lượng và hàng hóa có nguy

hại vẫn diễn ra phổ biến. Các quy định về quản lý nhập khẩu công nghệ chưa chặt chẽ, công tác quản lý, thẩm định và giám định công nghệ còn nhiều vướng mắc, do cơ sở vật chất kỹ thuật và trình độ khoa học công nghệ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và hải quan cửa khẩu còn hạn chế.

Thứ năm: Nhiều chính sách chưa tạo ra sức ép thúc đẩy nâng cao năng lực cạnh tranh. Còn thực hiện bảo hộ quá mức, thiếu hiệu quả, chưa bám sát đối tượng, còn dành nhiều ưu đãi đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước. Các chính sách hỗ trợ phát triển thương mại theo hướng bền vững chưa hiệu quả.

4. Đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển thương mại bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam

4.1. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách thương mại theo hướng phát triển bền vững

Về phát triển ngành hàng xuất khẩu, cần chuyển dịch cơ cấu hướng mạnh vào chế biến sâu, phát triển sản phẩm xuất khẩu có ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao. Phát triển công nghiệp hỗ trợ để nâng cao tỷ lệ giá trị trong nước. Rà soát các mặt hàng mới có kim ngạch hiện nay còn thấp nhưng có tiềm năng tăng trưởng cao trong thời gian tới để có các chính sách khuyến khích phát triển, tạo sự đột phá trong xuất khẩu. Không xuất khẩu đối với khoáng sản quan trọng kể cả dưới dạng tinh quặng.

Về thị trường xuất khẩu, cần xây dựng và củng cố các đối tác hợp tác chiến lược để phát triển thị trường bền vững; đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, tránh lệ thuộc vào một thị trường. Củng cố và mở rộng thị phần hàng hóa Việt Nam tại thị trường truyền thống (Nga, Đông Âu); tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng, ưu tiên khai thác và tận dụng tối đa các cơ hội từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm, chiến lược (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên minh Châu Âu - EU, ASEAN, Úc). Tập trung xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường mới cho các mặt hàng nông sản, rau quả của Việt Nam. Tận dụng tốt các cơ hội mở cửa thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao hiệu quả xuất khẩu sang các thị trường đã ký các thỏa thuận thương mại tự do (FTA/EPA/CEP).

Quản lý tốt nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường, đặc biệt là thị trường nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất tránh tình trạng phụ thuộc lớn vào

một thị trường; từng bước cải thiện cán cân thương mại. Chủ động điều chỉnh tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa, đáp ứng yêu cầu. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu và sử dụng hàng rào kỹ thuật để hạn chế nhập khẩu.

4.2. Hoàn thiện chính sách thương mại nhằm đảm bảo chất lượng tăng trưởng kinh tế

Trước mắt có thể tập trung đầu tư để chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo hướng gia tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến dựa vào lợi thế lao động và công nghệ để tăng lợi thế về quy mô, sau một thời gian cần nhanh chóng chuyển sang phát triển các ngành sản xuất xuất khẩu dựa vào vốn và kỹ thuật cao để nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị xuất khẩu. Rà soát, điều chỉnh các chính sách về thu hút đầu tư nhằm thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu;

Hoàn thiện chính sách nhập khẩu theo hướng vừa khuyến khích nhập khẩu máy móc, thiết bị công nghệ cao, vật tư nguyên liệu cho sản xuất, vừa quản lý tốt nhập khẩu để hạn chế nhập khẩu các loại hàng không khuyến khích nhập khẩu, góp phần giảm nhập siêu trong dài hạn. Chủ động điều chỉnh nhịp độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa, đồng thời phát triển sản xuất nguyên, nhiên, phụ liệu phục vụ các ngành hàng xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu trong nước và phát triển công nghiệp hỗ trợ, kiểm soát chặt việc nhập khẩu các mặt hàng không khuyến khích nhập khẩu, góp phần giảm nhập siêu trong dài hạn.

Nâng cao hiệu quả kinh tế của các ngành hàng thay thế nhập khẩu, hạ thấp hàng rào bảo hộ, để các doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược đầu tư một cách thích hợp theo lộ trình giảm thuế, tăng cường đổi mới công nghệ, tạo sức ép cho nhà sản xuất trong nước nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm giá thành, cạnh tranh với hàng nhập khẩu.

4.3. Gắn kết chính sách thương mại với việc giải quyết các vấn đề xã hội

Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích bình đẳng trong

thương mại. Trước hết là cơ chế chia sẻ lợi ích trong việc khai thác tài nguyên thiên nhiên. Cần thiết phải điều chỉnh thuế đối với một số tài nguyên như đất, rừng, khoáng sản. Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích hợp lý giữa những người tham gia chuỗi giá trị hàng nông sản. Xây dựng những chính sách, cơ chế sao cho lợi nhuận được phân chia tương đối công bằng tới các thành viên tham gia chuỗi.

Hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu thu hút nhiều lao động như thủy sản, nông sản, dệt may, da giày, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ trong trường hợp có biến động xấu hạn chế xuất khẩu để tránh người nông dân và người lao động mất thu nhập, việc làm. Áp dụng các biện pháp để cải thiện môi trường lao động, xây dựng cơ chế để giải quyết hiệu quả vấn đề quan hệ lao động.

4.4. Đảm bảo hài hòa giữa phát triển thương mại và bảo vệ môi trường

Nâng cao nhận thức về môi trường đối với các cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường trong mọi khâu của quy trình xây dựng và thực thi chính sách xuất nhập khẩu. Có chính sách thiết thực hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các quy trình và công nghệ sản xuất thân thiện môi trường. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

Hoàn thiện một số chính sách xuất nhập khẩu nhằm thực hiện các mục tiêu về môi trường. Áp dụng các nguyên tắc, công cụ kinh tế trong quản lý môi trường, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động bảo vệ môi trường. Hoàn thiện các công cụ, biện pháp quản lý nhập khẩu nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường qua biên giới.

Hỗ trợ và kiểm soát đặc biệt đối với một số ngành mà việc phát triển có tác động trực tiếp đến môi trường như nông nghiệp, khai thác và xuất khẩu thủy hải sản, lâm sản, khoáng sản,... Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ môi trường, tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường cho phát triển bền vững. □

Tài liệu tham khảo

Bộ Công Thương (2014), *Quyết định số 11476/QĐ- BCT về “Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”*, ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2014.

Thủ tướng Chính phủ (2000), *Chỉ thị số 22/2000/CT-TTg về “Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch*

- vụ thời kỳ 2010”, ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2000.
- Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 432/QĐ-TTg về “Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020”*, ban hành ngày 12 tháng 4 năm 2012.
- Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 339/QĐ-TTg về “Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020”*, ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2013.
- Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 2146/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”*, ban hành ngày 1 tháng 12 năm 2014.
- Đinh Văn Thành (2012), ‘Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của hoàn thiện chính sách thương mại phục vụ phát triển bền vững của Việt Nam’, kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: *Chính sách thương mại nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam thời kỳ 2011-2020*, Hà Nội.
- Lê Danh Vĩnh (2013), *“Luận cứ khoa học cho xây dựng chính sách xuất nhập khẩu bền vững của Việt Nam thời kỳ 2011-2020”*, đề tài khoa học cấp nhà nước, Mã số KX.01.01/11-15.

Thông tin tác giả:

***Phan Huy Đường**, Giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính ngân hàng; Kinh tế và kinh doanh quốc tế.

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Nghiên cứu kinh tế, Kinh tế & chính trị thế giới, Kinh tế & phát triển*

- Địa chỉ Email: duongph50@gmail.com

****Phan Anh**, Thạc sĩ, nghiên cứu sinh

- Tổ chức tác giả công tác: Học viện Ngân hàng

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính ngân hàng; Kinh tế và kinh doanh quốc tế.

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Nghiên cứu kinh tế, Kinh tế & chính trị thế giới, Kinh tế & phát triển*.

- Địa chỉ Email: phananh6100@yahoo.com